

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 06/12/2021  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thanh Bình**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Diệp Anh**  
Ông **Nguyễn Văn Thịnh**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Như Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/6/2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST ngày 26/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **PY**; sinh năm: 1963; ĐKKH: Hoàn Kiếm, Hà Nội; hiện ở tại: Ba Đình, Hà Nội.

**\* Bị đơn:** Anh **VH**; sinh năm: 1962; ĐKKH và hiện ở tại: Hoàn Kiếm, Hà Nội;

(có mặt chị Y, vắng mặt anh H)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Đơn khởi kiện; Bản lấy lời khai ngày 21/10/2021; biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/7/2021 và ngày 26/10/2021; nguyên đơn – chị PY trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh VH tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 28/11/1991 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Khoảng năm 1993 anh H nghỉ việc theo chế độ, làm nghề tự do thu nhập bấp bênh, vợ chồng không chia sẻ được với nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Anh H là người sống gia trưởng, rất khắt khe với vợ con, anh thường cư xử thô tục, thường xuyên đánh con, nhiều lần đánh vợ, rất hay nói tục, xỉ nhục vợ, con. Tôi làm nghề giáo viên nên thường xuyên nhường nhịn chồng, một mình bươn chải để lo cho hai con ăn học. Anh H đã không giúp đỡ vợ con lại còn hay kiêu căng gây sự. Anh hay mang sự bức dọc dồn vào vợ con nên gây ức chế cho tôi và hai con. Tôi thực sự không thể chịu đựng nổi và một phần cũng do tình cảm đã hết nên tôi muốn giải phóng cho cả tôi và anh H. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2000 đến nay, tôi về nhà mẹ đẻ tại Ba Đình, Hà Nội cùng hai con, anh H vẫn ở tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội cùng bố mẹ anh. Trong thời gian vợ chồng ly thân, tôi một mình nuôi cả hai con nhưng anh H không đóng góp, cấp dưỡng cho tôi. Đến nay do vợ chồng đã ly thân quá lâu, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể duy trì được nữa, tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh VH để ổn định cuộc sống.

-Về con chung: chúng tôi có 02 con chung tên VS – sinh ngày 12/02/1992 và VK – sinh ngày 24/8/1996. Cả hai cháu đều đã trưởng thành.

-Về tài sản chung, nhà ở chung: chúng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về công nợ chung: chúng tôi không nợ ai và không ai nợ chúng tôi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn anh H, tôi không có yêu cầu nào khác.

*\* Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 16/7/2021 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã lấy lời khai của bà BL; sinh năm: 1940, trú tại: phường G, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội là mẹ đẻ của anh VH. Bà L cho biết: Chị Y và anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 1991. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng chúng tôi khoảng 10 năm, sau đó chị Y cùng 2 con về nhà mẹ đẻ ở, còn anh H vẫn sống cùng chúng tôi. Anh chị có 2 con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nhà ở chung: anh chị không có gì, thời gian anh chị sống cùng vợ chồng tôi không có đóng góp xây sửa gì. Kinh tế anh chị độc lập không liên quan gì đến chúng tôi.

Nay chị Y xin ly hôn anh H, đây là việc tình cảm của anh chị, anh chị tự quyết định, chúng tôi không có ý kiến gì và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị PY và anh VH tại phường G, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày 16/7/2021, ông Nguyễn Việt A – Tổ trưởng tổ dân phố xác nhận anh VH hiện đang ở tại địa chỉ phố T, phường G, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Quá trình chị Y và anh H sống tại đây thời gian đầu ban ngày anh chị đi làm nên ít khi gặp anh chị, sau này chị Y và hai con về nhà mẹ đẻ chị Y ở. Mặc dù ly thân nhưng chị Y vẫn đi về phố T để làm tròn bổn phận của người con dâu. Nay Tòa án đến xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị thì tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu chị Y vẫn cương quyết xin ly hôn thì Tòa án xem xét theo nguyện vọng của chị Y, việc ly hôn là ý nguyện của anh chị, tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị có 02 con chung, các cháu đều đã trưởng thành. Về tài sản chung của anh chị tôi không nắm được. Ngoài ra ông Nguyễn Việt A không cung cấp gì thêm.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị PY vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh VH; về con chung anh chị có 02 con chung là VS - sinh ngày 12/02/1992 và VK - sinh ngày 24/8/1996, cả hai cháu đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản, nhà đất ở chung, công nợ chung: Chị Y khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh VH vắng mặt tại phiên tòa.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xử:

-Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị PY và anh VH.

-Về con chung: anh chị có 02 con chung là VS – sinh ngày 12/02/1992 và VK – sinh ngày 24/8/1996. Cả hai cháu đều đã trưởng thành nên không xét.

-Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị Y khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Về công nợ chung: Chị Y khai anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị PY có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh VH. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh VH cư trú tại phố T, phường G, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị PY có mặt. Bị đơn là anh VH vắng mặt. Đối với anh H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, song anh H vẫn vắng mặt không lý do. Việc anh H không đến Tòa án để giải quyết điều đó chứng tỏ anh H đã cố tình gây khó khăn cho chị Y trong việc ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị Y và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hàng G ngày 28/11/1991 là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị Y và anh H chỉ hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chia sẻ trách nhiệm với chị Y, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H không chu cấp tiền cho chị Y nuôi con và sinh hoạt trong gia đình, mặt khác anh H không hỗ trợ gì trong việc chăm lo cho con, nuôi

dạy con và phó mặc chị Y một mình trong việc nuôi dạy con trong suốt một thời gian dài. Anh chị đã sống ly thân hơn 20 năm nay. Do mâu thuẫn như vậy nên việc chị Y làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ năm 2000 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong thời gian ly thân, mỗi người đều đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở, không liên lạc với nhau nên không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị Y cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Y và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Y yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là VS; sinh ngày 12/02/1991 (nam) và VK; sinh ngày 24/8/1996 (nam), các cháu đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, nhà đất ở chung: Chị Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Y khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chị Y phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: 1.Về quan hệ hôn nhân: Chị PY được ly hôn anh VH.

2.Về con chung: Xác nhận chị Y và anh H có 02 con chung là: VS; sinh ngày 12/02/1991 (giới tính nam) và VK; sinh ngày 24/8/1996 (giới tính nam), các cháu đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị Y khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

4. Về công nợ chung: Chị Y khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Chị PY phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051177 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Hàng Gai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Thanh Bình**